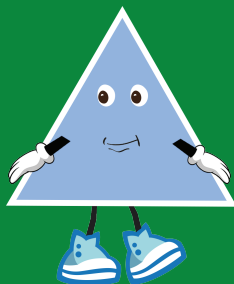
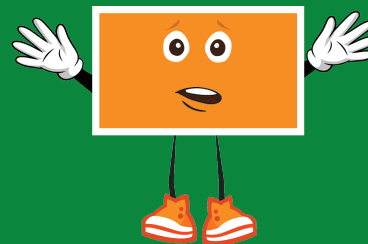


Bilingual Birdies

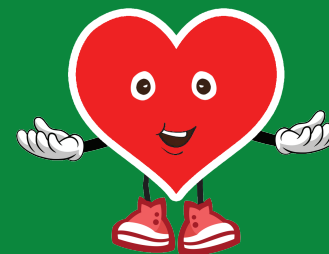
MANDARIN WORDS OF THE WEEK:
SHAPES



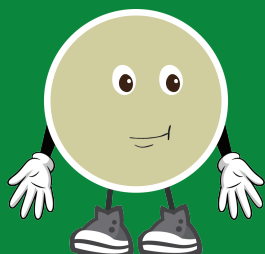
三角形
SĀN JIǎO XÍNG
(TRIANGLE)



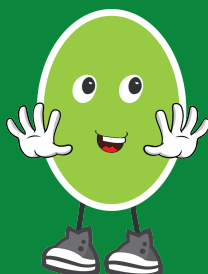
长方形
CHÁNG FĀNG XÍNG
(RECTANGLE)



心形
XĪN XÍNG
(HEART)



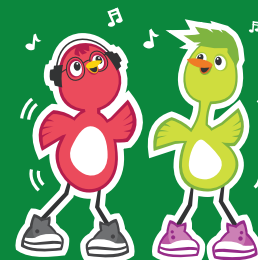
圆形
YUÁN XÍNG
(CIRCLE)



椭圆形
TUǒ YUÁN XÍNG
(OVAL)



正方形
ZHÈNG FĀNG XÍNG
(SQUARE)



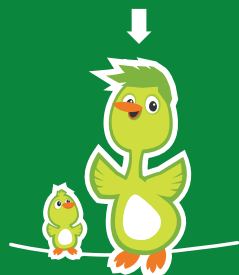
跳舞
TIÀO Wǔ
(TO DANCE)



微笑
WÉI XIÀO
(SMILE)



唱歌
CHÀNG GĒ
(TO SING)



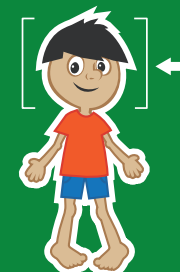
大
DÀ
(BIG)



安静
ĀN JìNG
(SILENCE)



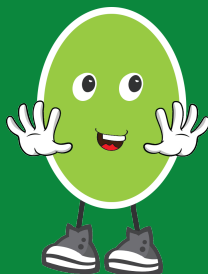
圆
YUÁN
(ROUND)



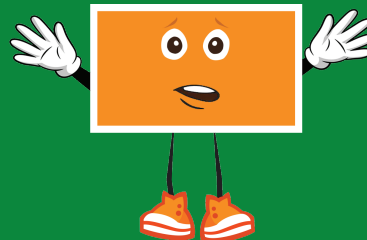
头
TÓU
(HEAD)

Bilingual Birdies

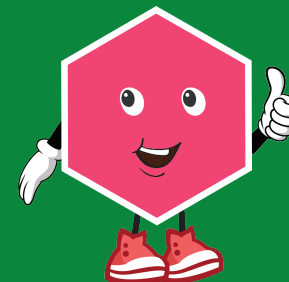
MANDARIN WORDS OF THE WEEK:
SHAPES



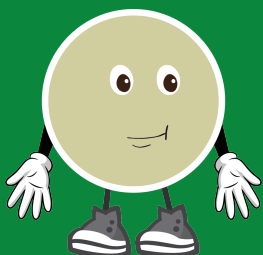
椭圆形
TUǒ YUÁN XÍNG
(OVAL)



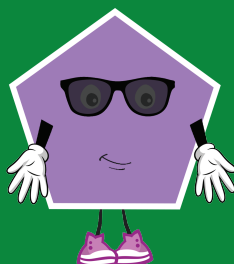
长方形
CHÁNG FĀNG XÍNG
(RECTANGLE)



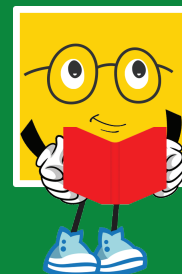
六角形
LIÙ JǎO XÍNG
(HEXAGON)



圆形
YUÁN XÍNG
(CIRCLE)



五角形
Wǔ JǎO XÍNG
(PENTAGON)



正方形
ZHÈNG FĀNG XÍNG
(SQUARE)

1

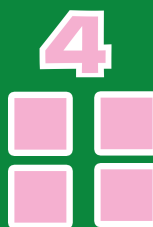
—
YĪ
(ONE)



二
ÈR
(TWO)



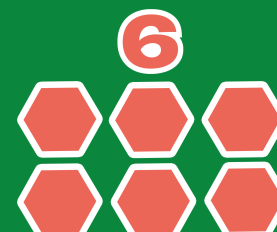
三
SĀN
(THREE)



四
SÌ
(FOUR)



五
Wǔ
(FIVE)



六
LIÙ
(SIX)